

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **3080**/UBND-KT
V/v triển khai xây dựng dự toán
ngân sách nhà nước năm 2021, kế
hoạch tài chính – ngân sách nhà nước
03 năm 2021-2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13** tháng 8 năm 2020

KHẨN

Kính gửi:

- Giám đốc Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư;
- Cục trưởng Cục Thuế Thành phố;
- Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- Các chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023.

Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

I/ VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021:

1. Giao Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố:

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

- Căn cứ kết quả ước thu ngân sách nhà nước 7 tháng đầu năm 2020 để tổ chức đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2020; Phân tích cụ thể từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2021; thuận lợi, khó khăn và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,

thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác, đặc biệt là đại dịch Covid-19 tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực.

- Tác động của biến động giá dầu thô, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, gạo và hàng hóa nông sản khác trên thị trường thế giới, trong nước; tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu ngân sách nhà nước trong 7 tháng đầu năm. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2016-2020 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

1.2. Lập dự toán năm 2021:

Báo cáo dự toán năm 2021 căn cứ số dự kiến giao thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2021 theo Thông báo của Bộ Tài chính, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 – 2025; bám sát dự báo khả năng phục hồi kinh tế và đón các dòng đầu tư mới (trong và ngoài nước); tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch Covid-19; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các Hiệp định thương mại EVFTA.

Cục Hải quan Thành phố thực hiện báo cáo thuyết minh và các biểu mẫu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 (mẫu biểu số 04 và 31), Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 (mẫu biểu số 13 và 16) gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020.**

2. Giao Cục trưởng Cục Thuế Thành phố:

1.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

- Phân tích cụ thể từng nguyên nhân ảnh hưởng đến thu ngân sách năm 2020; thuận lợi, khó khăn và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác, đặc biệt là đại dịch Covid-19 tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch; khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường; Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; tình hình triển khai thực hiện các chính sách thuế, phí và lệ phí được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực trong năm 2020 và các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020. Đánh giá tình hình triển khai các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó bao gồm chính sách giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định, Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước; công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xử lý nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2020, dự kiến số nợ xử lý trong 6 tháng cuối năm 2020 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có); đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu ngân sách nhà nước, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Cục Thuế Thành phố chủ trì phối hợp Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đánh giá thực hiện thu ngân sách nhà nước 05 năm giai đoạn 2016-2020 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

2.2. Lập dự toán năm 2021:

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 phải được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Việc xây dựng dự toán thu năm 2021 phải bám sát dự báo khả năng phục hồi kinh tế và đón các dòng đầu tư mới (trong và ngoài nước); tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch Covid-19; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, trên cơ sở khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và thu ngân sách năm 2020 theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác ngân sách nhà nước; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu ngân sách nhà nước năm 2021 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2021.

- Việc xây dựng dự toán phải tính tới các nguồn thu gắn với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về tăng cường công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế giá trị gia tăng, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra Chính phủ.

- Cục Thuế Thành phố chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xây dựng dự toán thu tiền sử dụng đất trên cơ sở kế hoạch đầu giá tiền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, có tính đến tình hình thực hiện của các năm trước. Dự toán số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí liên quan) của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước.

Cục Thuế Thành phố thông báo chỉ tiêu dự kiến giao thu cho các đơn vị trực thuộc liên quan và Ủy ban nhân dân các quận- huyện; thực hiện báo cáo thuyết minh và các biểu mẫu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 (mẫu biểu số 01, 02, 03 và 31), Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 (mẫu biểu số 04), mẫu biểu số 01 (đính kèm Công văn này) và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 (mẫu biểu số 13, 16, 20, 21, 31 và 32) gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020**.

3. Giao Cục Thống kê Thành phố:

Cục Thống kê Thành phố cung cấp số liệu tổng hợp kết quả thực hiện và dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh theo các biểu mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 (mẫu biểu số 28) để phục vụ công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020**.

4. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

4.1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016 - 2020:

4.1.1. Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển năm 2020:

- Đánh giá việc phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư phát triển cho các Chương trình, dự án, công trình trong năm 2020 theo Luật Đầu tư công (gồm cả kế hoạch vốn được điều chỉnh, bổ sung theo phê duyệt của cấp thẩm quyền); thời hạn

phân bổ và giao kế hoạch vốn cho chủ đầu tư; kết quả bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách nhà nước.

- Đánh giá tình hình giải ngân, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư phát triển đến hết quý II năm 2020, dự kiến đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong đó đánh giá chi tiết theo từng nguồn vốn (chi tiết vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án (sắp xếp danh mục dự án theo nguồn vốn đầu tư, lĩnh vực đầu tư, giai đoạn thực hiện), báo cáo cụ thể thời gian khởi công – hoàn thành, tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế từ khởi công đến hết năm 2019, kế hoạch vốn năm 2020 - kể cả kế hoạch vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2020, kèm theo thuyết minh.

- Đối với chi đầu tư phát triển từ nguồn tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá việc thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020 từ nguồn thu này.

- Đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); số nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng nguồn ngân sách nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; ước số xử lý trong năm 2020; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (chi tiết từng dự án). Tình hình triển khai các dự án, chương trình từ nguồn vay và trả nợ các nguồn vốn vay của thành phố.

- Đánh giá tình hình thực hiện việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao theo Nghị định số 69/2019/NĐ-CP, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

- Đánh giá việc chuyển đổi các nhiệm vụ đầu tư theo hình thức hợp tác công tác tư sang hình thức ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp 100% và tác động đến ngân sách nhà nước, việc bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 (nếu có).

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết cho đầu tư các dự án, công trình kết cấu hạ tầng của thành phố.

- Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2020 của các cơ quan hành chính nhà nước đang được hưởng cơ chế đặc thù theo quy định hiện hành năm 2020, chi tiết theo từng dự án và nguồn kinh phí; xác định các nhiệm vụ chuyển tiếp; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo sở Kế hoạch và Đầu tư, đồng gửi Sở Tài chính.

- Báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước, thanh tra theo khoản 10 Điều 8 Thông tư số 71/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020.

4.1.2 - Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2016-2020:

- Đánh giá việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua, chi tiết theo từng nguồn vốn (kể cả các Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020). Đánh giá lũy kế dự toán chi đầu tư phát triển được giao hàng năm (kể cả số kế hoạch vốn giao đầu năm; số bổ sung, điều chỉnh trong năm) so với phân kỳ từng năm trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020, trong đó chi tiết nguồn cân đối ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn ngoài nước và vốn trong nước.

- Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trung hạn 2016-2020 (nếu có); trong đó làm rõ kế hoạch vốn đã bố trí hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 để xử lý; tổng số nợ xây dựng cơ bản còn lại đến hết năm 2020. Tình hình thu hồi vốn ứng trước đến hết kế hoạch năm 2020, làm rõ số ứng trước chưa bố trí được nguồn để thu hồi.

- Báo cáo số dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020; số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 nhưng chưa được bố trí vốn hàng năm; số dự án đang triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang giai đoạn 2021 – 2025 để tiếp tục đầu tư (chi tiết dự án theo nhóm A, nhóm B, nhóm C).

- Đánh giá lũy kế dự toán chi đầu tư phát triển được cấp thẩm quyền giao từ nguồn thu từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định của pháp luật trong giai đoạn 2016-2020; nhu cầu vốn còn phải bố trí đối với các dự án đầu tư từ nguồn này (đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định); báo cáo số dự án đã thực hiện, đã quyết toán đến hết năm 2020 nhưng chưa được ghi thu – ghi chi vào cân đối ngân sách nhà nước (nếu có).

- Đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa so với chủ trương, kế hoạch được cấp thẩm quyền giao (về tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; thực tế nguồn lực đã huy động được, chi tiết theo danh mục các công trình, dự án, chương trình, nội dung được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực) trong năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

- Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước; đánh giá tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn, thực hiện kế hoạch vốn năm 2020, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2020 (nếu có); lũy kế việc thực hiện đến hết năm 2020 so với mục tiêu kế hoạch trong giai đoạn 2016-2020 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2016-2020 theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết (bao gồm cả dự án), chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

4.2. Lập dự toán năm 2021:

- Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất, đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025. Sắp xếp thứ tự ưu tiên của các dự án theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 để đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

- Lưu ý Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước **phải chi tiết theo các lĩnh vực chi** phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước nhằm thực hiện tốt công tác đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển theo kế hoạch của từng lĩnh vực, đảm bảo thực hiện việc công khai đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC, tăng cường đáp ứng tốt cho công tác chấm điểm đối với chỉ số công khai ngân sách của Thành phố (POBI).

- Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện báo cáo thuyết minh và tổng hợp, lập dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước theo các biểu mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 (mẫu biểu số 23, 24, 25, 26, 27, 33 và 34), Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 (mẫu biểu số 01, 05) và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 (mẫu biểu số 25, 34, 36, 38, 41, 42, 43, 46) gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020**.

- Phối hợp với Sở Tài chính và Chủ các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tổng hợp báo cáo tình hình vay và trả nợ các nguồn vốn vay của Thành phố năm 2020; tổng hợp nhu cầu vay cho đầu tư phát triển và xây dựng kế hoạch vay và trả nợ của Thành phố trong năm 2021.

- Đối với công tác lập quy hoạch, thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về triển khai các nội dung Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số Điều của Luật Quy hoạch. Từ giai đoạn kế hoạch trung hạn 2021 – 2025, nguồn vốn bố trí cho công tác lập quy hoạch trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công 2019; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố thực hiện nội dung này.

5. Giao Giám đốc Sở Nội vụ:

5.1. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2020:

- Đánh giá tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được **trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và cả giai đoạn 2016-2020** (chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm) đối với việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại tiết c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

- Đánh giá tình hình hướng dẫn, triển khai và kết quả đạt được **7 tháng đầu năm, ước cả năm 2020 và tổng hợp lũy kế** tình hình thực hiện đến hết năm 2020 (chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm) đối với việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại tiết d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 71/2020/TT-BTC.

5.2. Việc triển khai thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế năm 2021:

Báo cáo chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong năm 2020 đối với các nội dung về tinh giản biên chế và sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Kết luận số 17-KL/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP trong đó, **xác định mức giảm biên chế gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2021** để làm cơ sở ước tính kinh phí dành ra từ việc giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

Sở Nội vụ thực hiện báo cáo gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020.**

6. Giao Giám đốc Sở Tài chính:

- Căn cứ kết quả chi 7 tháng đầu năm 2020 để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách Thành phố năm 2020; phân tích nguyên nhân các khoản tăng, giảm chi so với dự toán đầu năm.

- Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản thi hành Luật; số kiểm tra dự toán thu chi ngân sách năm 2021 theo Thông báo của Bộ Tài chính; căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 do Cục Thuế Thành phố dự kiến và kế hoạch chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước để tổng hợp dự toán chi ngân sách thành phố năm 2021.

- Triển khai hướng dẫn lập dự toán chi ngân sách năm 2021 trên cơ sở nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguyên tắc xây dựng dự

toán chi ngân sách do Bộ Tài chính hướng dẫn tại Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020; đồng thời thông báo chỉ tiêu kiểm tra về chi ngân sách năm 2021 cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chủ các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tổng hợp báo cáo tình hình vay và trả nợ các nguồn vốn vay của Thành phố năm 2020; tổng hợp nhu cầu vay cho đầu tư phát triển và xây dựng kế hoạch vay và trả nợ của Thành phố trong năm 2021 và đề xuất mức bội chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính.

7. Giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách tập trung chỉ đạo thực hiện các báo cáo liên quan đến công tác lập dự toán ngân sách năm 2021 trên cơ sở hướng dẫn của Cục Thuế Thành phố và Sở Tài chính. Đồng thời, báo cáo tình hình thu chi tài chính năm 2020 và dự kiến kế hoạch thu chi tài chính năm 2021 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình thu chi năm 2020 và dự kiến kế hoạch thu chi năm 2021 đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Cụ thể các biểu mẫu liên quan công tác lập dự toán ngân sách năm 2021 như sau:

** Đối với lập dự toán chi đầu tư phát triển (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp):*

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 23, 24, 25, 26, 27, 33 và 34.

+ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020: mẫu biểu số 01, 05.

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 25, 36, 38, 41, 46, 55, 61 và 62.

** Đối với lập dự toán chi thường xuyên (gửi về Sở Tài chính để tổng hợp):*

- Đối với các Sở, ban, ngành thành phố:

+ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016: mẫu biểu số 05, 06, 07, 08, 09, 11.1, 12, 13, 14, 15.

+ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020: mẫu biểu số 02, 03, 04.

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017: mẫu biểu số 28, 45.

- Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện: mẫu biểu 02, 03, 04, 05 và 06 (đính kèm).

8. Cùng với việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Hải quan Thành phố và Cục Thuế Thành phố chủ động đánh giá, phân tích cụ thể kết quả đánh giá tình hình triển khai và thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách Thành phố và chương trình công tác năm 2020.

9. Giao Sở Tài chính căn cứ báo cáo của Cục Hải quan Thành phố, Cục Thuế Thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, tổng hợp dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2020 báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và gửi Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước **trước ngày 20 tháng 8 năm 2020**.

II/ VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2021-2023:

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm là kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước được lập hằng năm cho thời gian 03 năm, được lập kể từ năm dự toán ngân sách và 02 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu nhằm định hướng cho công tác lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực cho từng lĩnh vực và từng nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách cho từng lĩnh vực trong trung hạn.

Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

1. Giao Cục Thuế Thành phố và Cục Hải quan Thành phố:

- Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 được lập trên cơ sở đánh giá toàn diện kế hoạch phát triển 2016-2020, trong đó có tác động của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 trong năm 2020; khả năng phát triển kinh tế, từng ngành nghề, lĩnh vực trong giai đoạn 2021-2023, cập nhật kế hoạch 03 năm 2020-2022, ước thực hiện năm 2020; dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2022, năm 2023; các yếu tố thay đổi tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu của từng năm, các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế. Trong đó, lập kế hoạch thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh bình quân năm 2021 tăng khoảng 9-10% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020, các năm 2022-2023 tăng khoảng 10-11%/năm; tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 4-6%/năm trong giai đoạn 2021-2023.

- Kế hoạch thu ngân sách nhà nước phải đảm bảo được tổng hợp theo từng khoản thu, cơ cấu nguồn thu ngân sách nhà nước (thu nội địa, thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu); thuyết minh cụ thể các yếu tố tác động đến thu ngân sách trong từng năm (công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, dự kiến thay đổi về cơ chế, chính sách thuế, phí...).

- Cục Thuế Thành phố thực hiện báo cáo thuyết minh kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 và các biểu mẫu đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC (mẫu biểu số 02, 03) và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP (biểu số 08). Đồng thời, gửi báo cáo dự kiến kế hoạch thu ngân sách 03 năm 2021-2023 của 24 quận - huyện, chi tiết theo từng năm và từng sắc thuế cho Sở Tài chính để làm cơ sở cho việc xác định mức trần bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố cho ngân sách quận - huyện theo quy định tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ (báo cáo theo Mẫu biểu 01 đính kèm Công văn này) gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020.**

2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp Cục Thống kê Thành phố cập nhật và dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố và thống kê các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2021-2023 theo mẫu biểu số 01 đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC để làm căn cứ lập kế hoạch tài chính – ngân sách Thành phố 03 năm 2021-2023.

- Trên cơ sở đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của Thành phố; các mục tiêu, kế hoạch và dự báo phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực liên quan; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của Thành phố; lộ trình thực hiện 3 chương trình trọng điểm và 01 chương trình đột phá theo Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội Thành phố và khả năng cân đối của ngân sách Thành phố để lập kế hoạch chi đầu tư phát triển 03 năm 2021-2023.

- Đối với năm 2022-2023, lập kế hoạch đầu tư theo cơ chế phân cấp vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025; căn cứ việc lập kế hoạch đầu tư phải dựa trên các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển tiếp theo tiến độ thực hiện; các chương trình, dự án, nhiệm vụ mới đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành và phù hợp với định hướng tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Dự kiến kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển giai đoạn 03 năm 2021-2023 bao gồm số liệu và thuyết minh chi tiết **theo từng năm, từng lĩnh vực chi** và theo thứ tự ưu tiên.

- **Đối với trần chi ngân sách cho đầu tư phát triển**, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thông báo trần chi ngân sách đầu tư phát triển cho các đơn vị sử dụng ngân sách, các đơn vị dự toán cấp 01 cho từng năm 2021, 2022 và 2023, đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị; Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện báo cáo thuyết minh kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển 03 năm 2021-2023

và các biểu mẫu đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC (mẫu biểu số 15), Nghị định số 31/2017/NĐ-CP (biểu số 11) và các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2021-2023 theo biểu mẫu đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC (mẫu biểu số 01) gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020.**

3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ:

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ năm 2020, lập kế hoạch chi tiết theo từng năm (2021 - 2023) đối với việc sắp xếp lại bộ máy, tinh giảm biên chế và đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để làm cơ sở triển khai thực hiện giảm dự toán đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trong dự toán chi thường xuyên. Sở Nội vụ thực hiện báo cáo gửi về Sở Tài chính **trước ngày 15 tháng 8 năm 2020.**

4. Giao Giám đốc Sở Tài chính:

- Xây dựng và thông báo trần chi thường xuyên ngân sách năm 2021-2023 cho các cơ quan, đơn vị để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm.

- Hướng dẫn các sở - ban ngành, quận - huyện lập kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2021-2023 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Căn cứ kế hoạch 03 năm 2020-2022, ước thực hiện năm 2020, trần chi ngân sách giai đoạn năm 2021-2023; dự kiến thu ngân sách và nhu cầu chi đầu tư phát triển do Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo; nhu cầu chi thường xuyên của các đơn vị trong giai đoạn 03 năm 2021-2023 để tổng hợp, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính – ngân sách Thành phố 03 năm 2021-2023 trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

- Trong quá trình lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023, nếu có phát sinh chế độ mới ban hành, căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính sẽ hướng dẫn các sở ngành, quận - huyện xác định nhu cầu chi để điều chỉnh kế hoạch.

5. Giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

- Trên cơ sở hướng dẫn lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2021-2023 của Cục Thuế Thành phố, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và đầu tư; các đơn vị chủ động sắp xếp, rà soát các nhiệm vụ chi để lập kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2021-2023 nằm trong phạm vi trần chi ngân sách được thông báo (giới hạn chi ngân sách). Trường hợp nhu cầu chi vượt trần được thông báo; các đơn vị phải thuyết minh cụ thể nguyên nhân tăng nhu cầu chi là thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời

phải đề xuất các giải pháp về nguồn tài chính đảm bảo cho nhu cầu chi này nhằm thực hiện được các nhiệm vụ được giao.

- Kế hoạch chi ngân sách 03 năm 2021-2023 được lập chi tiết theo từng năm, cùng với các đánh giá thuyết minh có liên quan gửi về Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo theo quy định; trong đó:

** Đối với lập dự toán chi đầu tư phát triển (gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp):*

+ Thông tư số 69/2016/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017: mẫu biểu số 13, 14, 15.

+ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017: mẫu biểu số 11

** Đối với lập dự toán chi thường xuyên (gửi về Sở Tài chính để tổng hợp):*

+ Đối với các sở, ban, ngành Thành phố: báo cáo theo mẫu biểu từ số 13 đến số 22 đính kèm Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 07 năm 2017.

+ Đối với Ủy ban nhân dân các quận – huyện: báo cáo theo mẫu biểu số 07, 08, 09, 10, 11, 12 (đính kèm).

- Trước ngày 31 tháng 3 năm 2021, cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật, bổ sung số liệu và báo cáo đánh giá kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm đã lập năm trước theo Điều 18 Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính.

III/ LẬP KẾ HOẠCH VAY, SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM 2020, KẾ HOẠCH 03 NĂM 2021-2023:

1. Giao các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi báo cáo tình hình và kế hoạch vay, trả nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo các nội dung sau:

- Tình hình huy động, trả nợ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm 2020: dư nợ đầu năm; huy động trong năm (đến ngày 30/6/2020 và ước cả năm 2020); số trả nợ gốc, lãi và phí (đến ngày 30/6/2020 và ước cả năm 2020), dư nợ vay (đến ngày 30/6/2020 và ước đến ngày 31/12/2020).

- Xây dựng kế hoạch vay và trả nợ năm 2021: dự kiến số vay và số trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi và phí) trong năm 2021 đối với:

+ Các dự án hiện tại đang triển khai thực hiện;

+ Các dự án dự kiến phát sinh mới: bao gồm các dự án dự kiến đề xuất vay trong năm; dự án đang đàm phán, có thể ký hợp đồng vay trong năm; dự án có thể giải ngân ngay vốn vay lại trong năm...

- Dự kiến kế hoạch vay và trả nợ 03 năm 2021-2023 theo từng năm (bao gồm nợ gốc, lãi và phí) đối với:

+ Các dự án hiện tại đang triển khai thực hiện;

+ Các dự án dự kiến phát sinh mới: bao gồm các dự án dự kiến đề xuất vay trong năm; dự án đang đàm phán, có thể ký hợp đồng vay trong năm; dự án có thể giải ngân ngay vốn vay lại trong năm...

- Về mẫu biểu báo cáo:

+ Về lập kế hoạch vay, sử dụng và trả nợ vốn ODA, vốn vay ưu đãi năm 2021: Chi tiết theo Mẫu biểu số 01 Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính.

+ Về lập kế hoạch 03 năm 2021-2023: chi tiết theo Mẫu biểu số 2.03 và Mẫu biểu số 2.04 ban hành kèm theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

Các Chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thực hiện đúng hạn, đúng nội dung, đảm bảo tính chính xác của số liệu và gửi báo cáo về Sở Tài chính để có cơ sở tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính. Trường hợp các đơn vị không tổng hợp đầy đủ dẫn đến việc không vay vốn kịp thời để triển khai thực hiện dự án hoặc dẫn đến phát sinh tình hình vay, trả nợ ngoài kế hoạch đã dự kiến thì các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giao các Chủ chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm 2021:

Báo cáo chi tiết theo từng dự án các nội dung như sau:

- Nhà tài trợ;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Tổng số vốn ký kết theo Hiệp định: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Đánh giá thực hiện năm 2020: bao gồm số cấp phát và số vay lại;
- Dự toán năm 2021: bao gồm số cấp phát và số vay lại.

(Chi tiết theo Mẫu biểu số 08 đính kèm Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính).

IV/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ các văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố và Sở Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023 theo đúng yêu cầu và thời hạn quy định.

Các Sở, ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện cung cấp số liệu theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 69/2017/TT-BTC, Thông tư số 71/2020/TT-BTC và các biểu mẫu kèm theo Công văn này. Đối với các nội dung không có biểu mẫu kèm theo hướng dẫn, đề nghị các Sở, ban ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân

các quận - huyện căn cứ vào tính chất và đặc thù của từng lĩnh vực để thuyết minh cơ sở tính toán cho phù hợp. Nội dung và các biểu mẫu hướng dẫn tại Công văn này được đăng tải trên trang web của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://www.tcvg.hochiminhcity.gov.vn>

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc; các đơn vị liên hệ Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục thuế Thành phố để cùng trao đổi, xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên, kèm Phụ lục;
- TTUB: CT, PCT/TT;
- VPUB: CVP, PCVP/KT;
- Phòng KT, kèm Phụ lục;
- Lưu: VT, (KT/Cg). 4

**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong



(Đính kèm Công văn số **3080**/UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đvt: triệu đồng

[illegible]



PHỤ LỤC 02
(Biểu số 07 - TT342)

DỰ TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ NĂM ...
(Đính kèm Công văn số **3080** /UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

DVT: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	1	2	3	4	5
I	Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)				
-	Lệ phí ...				
-	Lệ phí ...				
	...				
II	Số thu phí				
1	Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
	...				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng lĩnh vực)				
a	Chi lĩnh vực ...				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
b	Chi lĩnh vực ...				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
c	...				
3	Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)				
-	Phí ...				
-	Phí ...				
III	Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)				

..., ngày...tháng...năm...
TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 3080 /UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ...-...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	Cơ sở	1	2	3	4
1	Dân số	người				
	- Tốc độ tăng dân số	%				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 18 tuổi trở xuống	người				
	- Dân số là người dân tộc thiểu số	người				
	- Dân số nhập cư vắng lai	người				
2	Số người nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia	Lượt người				
	Trong đó:					
	- Số người nghèo theo tiêu chí thu nhập	người				
	- Số người nghèo do thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản	người				
	- Tỷ lệ nghèo	%				
3	Giáo dục, đào tạo					
	- Số giáo viên	người				
	- Số học sinh	học sinh				
	Trong đó:					
	+ Học sinh bán trú	học sinh				
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	học sinh				
	+ Số trường cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	trường				
4	Y tế:					
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở				
	- Số giường bệnh	Giường				
	Trong đó:					
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường				
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường				
	+ Giường y tế xã phường	Giường				
	- Số đối tượng mua BHYT					
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người				
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người				
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người				
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người				
	+ Học sinh, sinh viên	Người				

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ...-...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch) .
A	B	Cơ sở	1	2	3	4
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người				
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người				
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người				
5	Chỉ tiêu đảm bảo xã hội					
	- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	Người				
	- Số gia đình bệnh binh	gia đình				
	- Số gia đình thương binh	gia đình				
	- Số gia đình liệt sỹ	gia đình				
	- số gia đình có công với đất nước	gia đình				
	- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình				
	- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình				
	- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình				
	- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình				
	- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người				
	- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số					
	Trong đó: Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo					
	- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội	người				

..., ngày....tháng....năm...
TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH



UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 04
(Biểu số 32 - TT342)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...
(Đính kèm Công văn số **3080** /UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

DVT: triệu đồng

STT *	Nội dung	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
A	TỔNG CHI NSDP QUẢN LÝ (I+II)			
I	CHI CÂN ĐỐI NSDP			
1	Chi đầu tư phát triển			
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)			
	Trong đó:			
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn			
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước			
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực			
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi y tế, dân số và gia đình			
e	Chi văn hóa thông tin			
g	Chi phát thanh truyền hình			
h	Chi thể dục thể thao			
i	Chi bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế			
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
m	Chi đảm bảo xã hội			
n	Chi khác			
2	Chi thường xuyên			

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...
(Đính kèm Công văn số /UBND-KT ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi y tế, dân số và gia đình			
e	Chi văn hóa thông tin			
g	Chi phát thanh truyền hình			
h	Chi thể dục thể thao			
i	Chi bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế			
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
m	Chi đảm bảo xã hội			
n	Chi khác			
3	Dự phòng ngân sách			
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu			
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác			
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NSDP			

..., ngày....tháng....năm...
TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH



UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 05
(Biểu số 35 - TT342)

DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ) NĂM ...

(Đính kèm Công văn số 3080 /UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
1	Sự nghiệp giáo dục			
2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
6	Sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội			
	...			

Ghi chú: Không bao gồm các khoản thuế, lệ phí, phí phải nộp NSNN (nếu có) và chi phí thu.

..., ngày....tháng....năm...

TM. UBND QUẬN - HUYỆN
CHỦ TỊCH



UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 06

(Biểu số 02 - TT71)

DỰ KIẾN NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 3080 /UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020	
I	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) thực hiện 2019 so dự toán Thành phố giao năm 2019	
2	50% giảm thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) thực hiện 2019 so dự toán Thành phố giao năm 2019	
3	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) dự toán 2020 so dự toán 2019 Thành phố giao	
4	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) dự toán 2019 so dự toán 2018 Thành phố giao	
5	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xỏ số kiến thiết) dự toán 2018 so dự toán 2017 Thành phố giao	
6	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2017	
7	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán tăng thêm năm 2020 so với năm 2017 theo QĐ giao dự toán năm 2020	
8	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2020:	
a	Nguồn huy động từ các đơn vị tự đảm bảo	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
b	Nguồn huy động từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên	
	+ Học phí	

	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
9	Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18, 19 năm 2020	
	+ Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy	
	+ Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị	
	+ Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp	
	+ Từ việc sát nhập các xã không đủ điều kiện, tiêu chuẩn	
10	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 chưa sử dụng hết chuyển sang 2020	
11	Nguồn BSCMT giao dự toán năm 2020 để thực hiện CCTL (nếu có)	
II	TỔNG NHU CẦU CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2020	
1	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP và Nghị định số 76/2017/NĐ-CP tính đủ 12 tháng	
2	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP tính đủ 12 tháng	
3	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP tính đủ 12 tháng	
4	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định	
a	Kinh phí tăng, giảm do điều chỉnh địa bàn vùng KTXH ĐBKk năm 2017 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đủ 12 tháng	
b	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014	
c	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2020 theo NĐ số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015	
d	Kinh phí giảm do điều chỉnh mức khoán đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ	
5	Nhu cầu thực hiện thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù theo NQ số 03/2018/NQ-HĐND và NQ số 17/2019/NQ-HĐND	
III	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020	
1	Phần thiếu nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

B	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2020 (nếu có)	
C	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CHI TRẢ CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (bằng III.2 trường hợp B=0; bằng (III.2 - B) trường hợp B>0, đề nghị QH cung cấp cơ sở nhận biết)	
D	NGUỒN NSDP ĐẢM BẢO TỪ NGUỒN CCTL CÒN DƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-CP NGÀY 09/4/2020 CỦA CHÍNH PHỦ SAU KHI ĐÃ SỬ DỤNG 50% NGUỒN DỰ PHÒNG NSDP	
E	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2020 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI VÀ CÁC CHÍNH SÁCH THEO NQ SỐ 42/NQ-CP (C-D)	

**DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...**

(Đính kèm Công văn số 3080/UBND-KT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
1	Dân số	Triệu người					
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%					
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%					
4	Giáo dục, đào tạo						
	- Số giáo viên	Người					
	- Số học sinh	Người					
	Trong đó:						
	+ Học sinh dân tộc nội trú	Người					
	+ Học sinh bán trú	Người					
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	Người					
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	Trường					
5	Y tế:						
	- Cơ sở khám chữa bệnh	Cơ sở					
	- Số giường bệnh	Giường					
	Trong đó:						
	+ Giường bệnh cấp huyện	Giường					
	+ Giường phòng khám khu vực	Giường					
	+ Giường y tế xã phường	Giường					
	- Số đối tượng mua BHYT						
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	Người					
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	Người					
	+ Người thuộc hộ nghèo	Người					
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Người					
	+ Học sinh, sinh viên	Người					

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
			KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN			
	+ Đối tượng cựu chiến binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	Người					
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	Người					

..., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)



DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN VÀ SỐ BỔ SUNG CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG
(Đính kèm Công văn số **3080**/UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	KINH PHÍ TĂNG THÊM	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6
I	Tổng chi quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp làm thêm giờ)						
	Trong đó:						
(1)	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã được quyết định trước 31/12 năm n-1						
-	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã dự kiến						
-	Điều chỉnh quỹ tiền lương (bao gồm cả kinh phí còn thiếu của các năm trước)						
(2)	Tổng chi quỹ lương do tăng tiền lương cơ sở						
II	Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL						
(1)	10% tiết kiệm chi thường xuyên						
(2)	50% tăng thu NSDP						
	- 50% tăng thu NSDP dự toán năm nay so năm trước						
	- 50% tăng thu NSDP thực hiện năm trước so dự toán năm trước						
(3)	Từ nguồn giá học phí						
(4)	Từ nguồn giá viện phí						
(5)	Thu sự nghiệp khác						
III	Kinh phí đề xuất phải bổ sung hoặc chuyển nguồn	I-II	I-II		I-II	I-II	I-II

...., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC 08
(Biểu số 04 - TT69)

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số **3080** /UBND-KT ngày **13** tháng **2** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	DỰ TOÁN HĐND cấp huyện quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách địa phương						
1	Chi đầu tư phát triển						
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)						
	Trong đó:						
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn						
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước						
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN UBND thành phố giao	DỰ TOÁN HĐND cấp huyện quyết định	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
2	Chi thường xuyên						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
3	Dự phòng ngân sách						
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
II	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						

..... ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



UBND QUẬN - HUYỆN ...

PHỤ LỤC 10
(Biểu số 07-ND31)

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
(Đính kèm Công văn số **3080**/UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm N- 1	Ước thực hiện năm N- 1	So sánh		Dự toán ngân sách năm N	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP							
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp							
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu							
III	Thu kết dư							
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSDP							
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương							
1	Chi đầu tư phát triển							
2	Chi thường xuyên							
3	Dự phòng ngân sách							
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
II	Chi các chương trình mục tiêu							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ							
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							

Ghi chú : Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)



DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số **3080** /UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	Thu nội địa					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (*)					
2	Thuế thu nhập cá nhân					
3	Thuế bảo vệ môi trường					
4	Lệ phí trước bạ					
5	Thu tiền sử dụng đất					
II	Thu viện trợ					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

Ghi chú :

(*) Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.

....., ngày ... tháng... năm
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



UBND QUẬN/HUYỆN ...

PHỤ LỤC 12
(Biểu số 09-ND31)

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Đính kèm Công văn số **3080** /UBND-KT ngày **13** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (1)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú : (1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

...., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)